

Số: 236 7 /NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 05 tháng 10 năm 2026

V/v cung cấp báo giá hàng hóa “Vật tư thay thế hệ thống DC&UPS của NMĐ Sông Hậu 1”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm “Vật tư thay thế hệ thống DC&UPS của NMĐ Sông Hậu 1”. NMĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: chi tiết như Phụ lục đính kèm
2. Tiến độ cung cấp: Nhà cung cấp đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm giao hàng: Kho Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 15h ngày 19 /10/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương mại – NMĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ

Email: giangtth@pvpqb.vn; hunglt@pvpqb.vn; haipdm@pvpqb.vn;
dacnlm@pvpqb.vn; nhanbaogia.hn@pvpqb.vn.

NMĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ NMĐSH1 (để b/c);
- Lưu VT, TM (N.L.M.Đ).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm công văn số 2367 /NMĐSH1-TM ngày 05 /10/2026)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	59801026	Máy nén lạnh	Máy nén lạnh Copeland 5HP Model: ZR61KCE-TFD-522 Công suất 5 Hp Công suất làm lạnh : 54.000 BTU/h Môi chất lạnh: R407C Điện áp: 380V/3P/50Hz	Copeland		1	Cái	(*)
2	35610044	Auto transformer	Auto transformer AT36 Model: AT36 - Điện áp: 0 - 400 - 500 V - Công suất: 60 VA - Màu dây đầu vào - ra: Black - Yellow - Red	Airlink	Châu Âu/OECD	1	Cái	(*)
3	34434009	Digital Metter	Digital Metter KDA-3P - Model: KDA-3P - Aux. power: AC 90 ~ 260V (50/60Hz) / DC 110V - Operating temperature: -10~50°C - Maximum input: Approximately 110% of each measurement input - Input: + Range 0.05~6A (rated CT : 5A) + Accuracy ± (0.3% of rdg + 0.2% of F.S) - Display: + Text height (LED) 20.5(0.8")mm Red + Measuring interval: 1 Times/ sec	Lightstar	Châu Âu/OECD	1	Cái	(*)
4	34461003	Digital Metter	Digital Metter KDB-3P - Model: KDB-3P - Aux. power: AC 90 ~ 260V (50/60Hz) / DC 110V - Operating temperature: -10~50°C	Lightstar	Châu Âu/OECD	2	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
			- Maximum input Approximately: 110% of each measurement input - Input: + Range 30~500V(PT ratio) + Accuracy $\pm(0.3 \text{ of rdg} + 0.2\% \text{ of F.S})$ - Display: + Text height (LED): 20.5(0.8")mm Red + Measuring interval: 1Times/ sec					
5	33420037	Remote Switch	Remote Switch 5TT4103-0 16AX – 400V - Model: 5TT4103-0 - Operating voltage: 250-400V - Control voltage: 230 VAC - Switching current (max.): 16A - Min. temperature: -10 °C - Max. temperature: +40 °C - Mounting method: DIN rail - Dimension: (W x H x D) 36 x 90 x 76 mm - Number of NO contacts: 3 - Operating cycles: 50000	Siemens	Châu Âu/OECD	1	Cái	(*)
6	59801008	Refrigeration Compressor	Refrigeration Compressor Model: JT170G-P4Y1@T - Power Source AC:380-415V50Hz,3PH - Oil Type: DAPHNE OIL FVC68D - DP-AP H 4.17 Mpa L 4.17Mpa - SP: 12.51 Mpa - Refrigerant: R410A	Daikin		1	Cái	(*)
7	34619007	Connector	Model: GS-400-3 Dòng định mức: 400 A Số cực: 3P (3 pha)	HYOSUNG		4	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
8	34619006	2nd Connector	Model: GS-2M-400-3 Dòng định mức: 400 A Số cực: 3P (3 pha)	HYOSUNG		4	Cái	(*)
9	34633112	Contacto	Model: LC1D09BL Product or component type: Contactor Poles description: 3P [Ue] rated operational voltage: Power circuit: <= 690 V AC 25...400 Hz; Power circuit: <= 300 V DC. [Ie] rated operational current: 9 A (at <60 °C) at <= 440 V AC AC-3 for power circuit. [Uc] control circuit voltage: 24 V DC Pole contact composition: 3 NO Auxiliary contact composition: 1 NO + 1 NC Height 77 mm Width 45 mm Depth 95 mm	Schneider		2	Cái	(*)
10	34633111	Contacto	Model: LC1D09EL Product or component type: Contactor Poles description: 3P [Ue] rated operational voltage: Power circuit: <= 690 V AC 25...400 Hz; Power circuit: <= 300 V DC. [Ie] rated operational current: 9 A (at <60 °C) at <= 440 V AC AC-3 for power circuit. [Uc] control circuit voltage: 48 V DC Pole contact composition: 3 NO Auxiliary contact composition: 1 NO + 1 NC Height 77 mm Width 45 mm Depth 95 mm	Schneider		1	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
11	39569004	Main board cục nóng (Main Board Outdoor)	Model cục nóng: RKC71UVMV Power supply: 220-240 VAC-50Hz Cooling capacity: 7100 W Input: 2230 W Refrigerant: R32 Maximum current: 11,5 A	DAIKIN		1	Cái	(*)
12	51615004	Inverter	Type Code: TR200P30KT4E55H3X GXXSXSXXXXAEBXCXXXXDX - P/N: 131X9874 - S/N: 002808H367 - 30KW/40 HP - Input: 3x380-480V, 50/60Hz, 60/53 A - Output: 3x0-Vin -590Hz 61/52 A - Type 12/ IP55 Tamb. 45 độ C/113 độ F	TRANE	G7/OECD	1	Cái	(*)
13	34434009	Digital Metter	- Model: KDA - 3P - Aux. power: AC 90 ~ 260V (50/60Hz) / DC 110V - Operating temperature: -10~50°C - Maximum input: Approximately 110% of each measurement input - Input: + Range 0.05 ~ 6A (rated CT: 5A) + Accuracy ± (0.3% of rdg + 0.2% of F.S) - Display: + Text height (LED) 20.5 (0.8") mm Red + Measuring interval: 1 Times/sec	Lightstar	OECD	1	Cái	(*)
14	31510004	Cáp điện	- Model: SIWO-KUL D30 1x6,0 1,1 kV YE - Nexans Ref.: 10507211 - Construction characteristics: + Conductor material: Tinned copper + Conductor flexibility: Flexible class 5	Nexans hoặc tương đương	Châu Âu/ OECD	100	Mét	



STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
			+ Insulation: Special Silicone + Outer sheath Silicon elastomer - Dimensional characteristics: + Conductor cross-section: 6 mm² + Nominal outer diameter: 5.3 mm + Conductor diameter 2.85 mm - Electrical characteristics: + Operating voltage: 1.1 kV + Test voltage: 4 kV + Max. DC resistance of the conductor at 20°C: 3.39 Ohm/km + Breakdown voltage: 10 kV - Usage characteristics: + Operating temperature, range: -55 ... 180 °C + Maximum operating temperature: 180 °C + Fire retardant: IEC 60332-3-24 (cat C)					
15	32012143	Đầu cos chịu nhiệt độ cao	- Part Number: N5.5-8; - Vật liệu: Niken; - Chiều dày: 1.1mm; - Đường kính lỗ Bulong: 8.4 mm - Nhiệt độ vận hành liên tục: 400°C;	Nichifu hoặc tương đương		200	Cái	
16	37085047	Ông Gen Amiang Sợi Thủy Tinh	Thông số kỹ thuật - Đường kính trong: 6mm - Vật liệu: Sợi thủy tinh không chứa kiềm - Nhiệt độ làm việc liên tục: khoảng 400°C - Nhiệt độ chịu đột ngột: lên đến 600°C - Màu sắc: Trắng sữa - Tính chất: Cách nhiệt - cách điện - chống cháy	Tương đương		100	Mét	
17	34438002	Digital Panel Meter	- Model: DM2C-MT71; - Input: AC 220V & AC 1A,	KYONGBO ELECTRIC	OECD	5	Cái	(*)

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
			- SP: 12,0 MPa PHASE: ARRANGEMENT					
22	33895299	Miniature circuit breaker (MCB)	- Product name: Multi9 C60H-DC - Poles description: 2P - [In] rated current: 16 A at 25 °C conforming to EN/IEC 60947-2 - Network type: DC - Trip unit technology: Thermal-magnetic - Curve code: C - Magnetic tripping limit: 7...10 x In DC - [Ui] rated insulation voltage: 500 V DC conforming to EN/IEC 60947-2 - [Uimp] rated impulse withstand voltage: 6 kV conforming to EN/IEC 60947-2 - Contact position indicator: Yes - Control type: Toggle - Local signalling: ON/OFF indication - Mounting mode: Clip-on - Mounting support: DIN rail - HxWxD: 81x36x73mm	SCHNEIDER hoặc tương đương	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	
23	33897059	Auxiliary contact	Multi9 M9A Product or component type: OC contact - Device short name: OF - Signal contacts composition: 1 C/O - [In] rated current: + 2...100 mA at 24...240 V, AC 50/60 Hz + 2...100 mA at 24 V, DC + 2...100 mA at 220 V, DC - [Ui] rated insulation voltage: 500V - [Uimp] rated impulse withstand voltage: 4kV - Mounting mode: Clip-on	SCHNEIDER hoặc tương đương	Châu Âu/G7/OECD	1	Cái	

STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
			- Mounting location: Left side of circuit-breaker - Mounting support: DIN rail - HxWxD: 85x9x68 mm					
24	34575005	LCD Digital Multi-set Meters	Model: YSPR-50 - Control power: 110/ 220VAC±10% or 85~265V AC/DC, 50/60Hz - Power consumption: < 6VA - Connection type: + 3-phase / 4-wire + 3-phase / 3-wire Rating input: - Voltage: 10 ~ 300V AC(L-N), 2 ~ 500V AC(L-L) - Current: 5mA ~ 5.5A - Burden: < 0.5 VA / < 1.0 VA Measurement ranges: - Voltage: 1V ~ 400kV (PT Ratio : 1~4,000) - Current: 5mA ~ 10kA (CT Ratio : 1~5,000) - Frequency: 45 ~ 65Hz - Power value: 0 ~ 99,999,999 (kWh, kVArh) / 0 ~ 99,999,999 (MWh, MVARh) - Demand time: 1 ~ 60 - Display: 3.6" : LCD 12mm Height (Back Light Function) - Dimension (W×H×D:mm): 96.0 × 96.0 × 79.3	YongSung	Châu Âu/G7/OECD	16	Cái	
25	51898040	Cooling fan	3~ Motor, S1-100% ED Type: V112 - Điện áp: (Y) 345 - 525 V - Dòng điện (max): 0,2 A - Công suất (max): 97 W - Tần số: 50 Hz - Tốc độ: 2394 rpm - Tụ điện: 3μF	SEW hoặc tương đương	Châu Âu/G7/OECD	3	Bộ	



STT	Mã vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hiện hữu/ Tham khảo	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
26	51761019	Equalization Pump	Công suất 0.75 kW Dòng điện: 2.1 A Tốc độ vòng quay 2850 rpm Cột áp (Head) 8 m Lưu lượng (Capacity) 0.03 m ³ /min. Outlet: Ø 50 mm	Shin Shin Pump Manufacturing Co hoặc tương đương	Châu Âu/G7/OECD	1	Bộ	
27	49080116	Thanh nhựa Polyurethane (PU)	Thanh nhựa Polyurethane (PU) Nhựa Polyurethane (PU) -Kích thước: Dài 1000* rộng 100* dày 40mm -Tỉ trọng: 1,15 g / cm ³ -Màu sắc: Vàng -Độ cứng: 90A -Nguyên liệu: polyurethane	Tương đương		3	Bộ	
28	51602027	Ắc quy	Ắc quy GS 12V 60AH 55D23L MF. Điện áp: 12V Dung lượng: 60Ah Kích thước bình: B24 (Dài * Rộng * Cao: 232mm * 173mm * 204mm) Vị trí cọc: L Chủng loại: Ắc quy khô	GS hoặc tương đương		2	Cái	

Ghi chú:

- Thuế giá trị gia tăng là tạm tính mức 10%, trong quá trình thực hiện hợp đồng mức thuế suất sẽ được điều chỉnh tại thời điểm nghiệm thu thanh toán phù hợp với quy định thuế của Chính phủ.
- (*) Danh mục hàng hóa, nhà sản xuất, tiêu chuẩn của hàng hóa nêu trên là hàng hóa thuộc các thiết bị hiện hữu tại Nhà máy/Chủ đầu tư lấy theo khuyến cáo của nhà sản xuất/chế tạo thiết bị, tài liệu O&M Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, Nhà thầu phải chào đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt cho thiết bị/hệ thống nêu trên) để đảm bảo hệ thống/thiết bị vận hành lâu dài, ổn định, hiệu suất cao nhất.
- Đối với các mục còn lại Nhà thầu có thể chào đúng loại yêu cầu hoặc tương đương hoặc tốt hơn.

Yêu cầu khác:

- Nhà thầu chào đầy đủ NSX, xuất xứ của hàng hóa;
- Tiến độ: Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét;
- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1;
- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng;
- Chứng từ kèm theo hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO) nếu có, chứng chỉ chất lượng (CQ/COA), (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự;
 - + Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

